

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN HIỆP HÒA

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: **08/2019/HS-ST**

Ngày 30- 01- 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Trường.

Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lục Thị T** (tên gọi khác: Không)- sinh năm 1978 tại xã Q, huyện L, tỉnh L. Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Xóm H, xã P, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 07/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lục Văn P, sinh năm 1952 và bà: Nhâm Thị C, sinh năm 1957; chồng: chưa có; con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Không; Bị cáo đầu thú, không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại- Có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Ngô Văn K, sinh năm 1965; TQ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh 1968; TQ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

3. Chị Ngô Thị Th, sinh năm 2000; TQ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Kim Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu dân cư T, phường A, huyện D, thành phố H- Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị V- Chủ tịch Hội đồng; bà Vũ Thị V- thành viên thường trực; ông Nguyễn Hữu Q- thành viên; ông Trần Đình H- thành viên; ông Bùi Đức C- thành viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/01/2018, ông Ngô Văn K, sinh năm 1965 ở thôn có đơn trình báo và trình bày sáng ngày 16/11/2017 gia đình ông bị kẻ gian trộm cắp khoảng 30 triệu đồng (trong cặp số 20.000.000 đồng; trên điện thờ 10.000.000 đồng; trong bàn học của con gái ông 1.000.000 đồng) và 04 miếng cao ngựa bạch (trọng lượng 04 lạng).

Quá trình điều tra xác định được:

Ông Ngô Văn K là chồng bà Nguyễn Thị T; sinh năm: 1968 ở , bà T có làm “thầy xem bói” và lập điện thờ tại gia đình. Khoảng 10 giờ ngày 16/11/2017 chị Lê Thị Kim Th, sinh năm 1983 ở khu dân cư cùng Lục Thị T đến nhà bà T để xem bói. Do gia đình bà T đi vắng nên T và chị Th ngồi đợi. T đứng trước cổng của gia đình bà T, chị Th điều khiển xe mô tô đi đổ xăng và mua hoa quả để thắp hương làm lễ. T đứng đợi ở cổng nhà bà T một lúc, thấy cổng không khóa nên kéo chốt cổng rồi đi vào trong sân và khép cổng lại. Thấy cửa Ch không khóa nên T gọi nhưng không ai thưa, T vào trong nhà rồi khép cửa lại. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình bà T. T cạy mở ngăn tủ bên trái thì phát hiện trong ngăn tủ có 03 miếng cao. T cầm 03 miếng cao cất vào túi đeo sẵn trên người. Sau đó, T vào phòng ngủ của chị Ngô Thị Th, sinh năm 2000 là con gái bà T thấy có 01 chiếc ba lô màu đen đặt trên bàn học. T lục tìm trong túi và phát hiện ở ngăn nhỏ bên trong có 1.000.000 đồng (một triệu đồng) gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng/01 tờ, T lấy số tiền này cho vào túi đeo trên người. Sau đó, T đi ra sang điện thờ (nằm bên phải

phòng khách theo hướng từ ngoài cửa Ch vào). T định mở cửa điện nhưng do cửa khóa chốt nên không mở được, T quan sát thấy trên bàn kê tại phòng khách, sát cửa sang điện thờ có 01 chiếc tuốc-nơ-vít, T cầm lên rồi sử dụng chiếc tuốc-nơ-vít này để cạy, mở cửa sang điện. Sau khi cạy mở được cửa, T đi vào điện thờ quan sát và phát hiện trên điện có các vị trí đặt tiền lẻ nên T tiến lại từng vị trí đặt tiền, lấy toàn bộ số tiền lẻ đặt trên điện được khoảng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) gồm các loại tiền mệnh giá: 50.000 đồng, 20.000 đồng, 10.000 đồng, 5.000 đồng, 2.000 đồng và 1.000 đồng, số tiền này T cất vào túi đeo trên người. Sau khi lấy hết tiền đặt trên các ban thờ trong điện, T tìm và phát hiện 01 chiếc cặp số đặt phía sau kết sắt kê trong điện ngay sát cửa từ phòng khách sang, T mở khóa cặp số (cặp số không khóa bằng mật khẩu). Thấy bên trong có các tập tiền mệnh giá 2.000 đồng và 1.000 đồng được buộc thành từng cọc (gồm tiền cũ và mới). T định lấy cho vào túi đeo trên người nhưng không vừa nên T lấy 01 chiếc túi nilon màu xanh có sẵn trong điện và cho toàn bộ số tiền lẻ trong cặp số vào túi nilon. Toàn bộ số tiền trong cặp số Lục Thị T trộm cắp được khoảng 3.000.000 đồng. Trộm cắp tiền trong cặp số xong, T lại bỏ cặp số vào vị trí cũ rồi dùng chiếc tuốc-nơ-vít trên sàn để chọc, phá cửa kết sắt nhưng không được nên T dừng lại và cầm túi tiền đi ra phòng khách. Lúc này, T gọi điện thoại cho Lê Thị Kim Th nói dối là gia đình có việc gấp phải về luôn và bảo Th quay vào nhà bà T đón T. Trước khi ra khỏi nhà bà T, T cởi áo khoác bên ngoài rồi cho vào túi nilon đựng tiền để ngụy trang, không cho người khác phát hiện trong túi có tiền. T đi thẳng ra mở cổng, đi ra ngoài rồi khép cổng lại và đi ra phía ngoài đường. Đi được khoảng 10m thì chị Th đi xe đến và chở Lục Thị T về. Chị Th chở T về đến khu vực Cầu Đuống thuộc địa phận huyện Gia Lâm, Hà Nội thì T xuống xe và bắt xe khách về Thái Nguyên. Trên đường đi từ nhà bà Nguyễn Thị T đến Cầu Đuống thì T có bỏ 03 miếng cao ra xem và phát hiện 03 miếng cao có màu trắng (T nghĩ là bị mốc) nên vứt đi. Sau khi về nhà, T kiểm tra thấy tổng số tiền trộm cắp được ngày 16/11/2017 tại gia đình bà Nguyễn Thị T khoảng 6.000.000 đồng. Số tiền trộm cắp được Lục Thị T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 22/01/2018, khi T và chị Th đang đi xe mô tô trên đường thuộc địa phận xã Đông Lỗ, Hiệp Hòa, thấy có biểu hiện nghi vấn nên chị Th và T đã bị một số quần chúng nhân dân dừng xe và đưa về Công an xã Châu Minh để làm rõ. Tại Công an xã Châu Minh, T đã tự nguyện xin đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản tại gia đình bà Nguyễn Thị T vào ngày 16/11/2017. Quá trình từ Đông Lỗ về Công an xã Châu Minh, Lục Thị T và Lê Thị Kim Th bị một số quần chúng nhân dân do bức xúc đã đánh trúng gây thương tích nhẹ. Tuy nhiên, không xác định được ai là người đánh gây thương tích, bản thân Lục Thị T và Lê Thị Kim Th cũng không biết người đánh mình là ai và cũng không có đề nghị gì về việc bị đánh.

Quá trình điều tra, bà T khai loại cao gia đình bà bị mất là cao ngựa bạch, ngày 24/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã có Yêu cầu định giá số 39/YCĐG yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp

Hòa xác định giá trị tài sản. Ngày 29/10/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hiệp Hòa xác định giá trị của 01 lạng cao ngựa bạch là 800.000 đồng, như vậy 03 miếng cao tương đương với 03 lạng cao giá trị 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã phối hợp cùng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tiến hành thực nghiệm điều tra, cho T diễn lại hành vi trộm cắp tài sản. Kết quả phù hợp với lời khai nhận của T và các chứng cứ khác.

Trong quá trình điều tra xác định số tiền và cao ngựa của gia đình bà Nguyễn Thị T khai bị mất trộm có sự chênh lệch với số tiền và cao ngựa mà Lục Thị T khai đã trộm cắp được. Do không thu giữ được tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã cho tiến hành đối chất giữa bị cáo và người bị hại. Kết quả T chỉ thừa nhận trộm cắp của gia đình chị T 6.000.000 đồng và 03 miếng cao ngựa. Nên không có căn cứ xác định T trộm cắp số tài sản theo như lời khai của người bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ tài sản đã trộm cắp.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Từ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên của bị cáo Lục Thị T, tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS- HH ngày 25/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Lục Thị T ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa công khai sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã có hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Bị hại (ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị T, chị Ngô Thị Th) trình bày: Khoảng 08 giờ ngày 16/11/2017 gia đình có đi làm lễ ở Bắc Ninh, đến khoảng 10 giờ thì ông Ngô Văn Khuyến là anh trai ông K điện thông báo bị kẻ gian đột nhập vào trộm cắp tài sản trong nhà. Khi về nhà, gia đình kiểm tra thì phát hiện bị mất 20.000.000đ ở trong cặp số màu đen để ở sau két sắt, mất khoảng 10.000.000đ tiền để ở trên các bàn thờ trong điện thờ của gia đình, mất 1.000.000đ ở trong túi sách của chị Th để ở bàn học trong buồng và mất 04 lạng cao ngựa ở trong tủ gỗ giữa nhà, ngoài ra không mất tài sản nào khác. Đến nay các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tài sản mà bị cáo đã trộm cắp, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo về hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lục Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Lục Thị T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhậm cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo: Lục Thị T cho UBND xã P, huyện P, tỉnh T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Về dân sự*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo: Lục Thị T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) bị cáo trộm cắp và trị giá 03 miếng cao ngựa mà bị cáo trộm cắp không thu hồi lại được là 2.400.000đ (Hai triệu đồng bốn trăm nghìn đồng), tổng là 7.400.000đ (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), bị cáo T phải bồi thường cho chị Ngô Thị Th số tiền bị cáo trộm cắp là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- *Về vật chứng*: Áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Lục Thị T số tiền 113.500đ (Một trăm mười ba nghìn năm trăm đồng), 01 túi xách màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu tím và 01 điện thoại OPPO màu vàng là tài sản của bị cáo T nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án. Trả lại chị Lê Thị Kim Th 01 mũ bảo hiểm màu hồng và 01 điện thoại di động Samsung J7 màu vàng.

- *Về án phí*: áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Lục Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 420.000đ (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo trộm cắp đã chứng minh được là số tiền 6.000.000đ và 03 miếng cao ngựa trị giá 2.400.000đ. Tổng trị giá tài sản trộm cắp: 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo Lục Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú theo quy định tại điểm i , s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để giáo dục riêng và góp phần răn đe phòng ngừa chung. Xét về nhân thân: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi có hành vi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Tại Cơ quan điều tra, các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền và tài sản mà bị cáo trộm cắp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo đã trộm cắp tại gia đình ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị T số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và 03 miếng cao ngựa. Nay tài sản và tiền không thu hồi lại được. Cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường phải có trách nhiệm cho ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và trị giá 03 miếng cao ngựa là 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), tổng là 7.400.000đ (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), bị cáo T phải bồi thường cho chị Ngô Thị Th số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15F1-164.72 qua xác minh chủ sở hữu là chị Nguyễn Ngọc Linh, sinh năm 1993 ở Đại Trà, Đông Phương, Kiến Thụy, Hải Phòng cho chị Th mượn. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại chị Th chiếc xe trên và các giấy tờ liên quan.

Đối với chiếc cặp số nhãn hiệu POLO của gia đình bà T, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại gia đình bà T. Vì vậy không xem xét trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lục Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Lục Thị T **10 (Mười)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nh^hng cho h^hng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo: Lục Thị T cho UBND xã P, huyện P, tỉnh T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Về dân sự*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo: Lục Thị T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Ng^o Văn K và bà Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) bị cáo trộm cắp và trị giá 03 miếng cao ngựa mà bị cáo trộm cắp không thu hồi lại được là 2.400.000đ (Hai triệu đồng bốn trăm nghìn đồng), tổng là 7.400.000đ (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), bị cáo T phải bồi thường cho chị Ng^o Thị Th số tiền bị cáo trộm cắp là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- *Về vật chứng*: Áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Lục Thị T số tiền 113.500đ (Một trăm mười ba nghìn năm trăm đồng), 01 túi xách màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu tím và 01 điện thoại OPPO màu vàng là tài sản của bị cáo T nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án. Trả lại chị Lê Thị Kim Th 01 mũ bảo hiểm màu hồng và 01 điện thoại di động Samsung J7 màu vàng.

- *Về án phí:* áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Lục Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 420.000đ (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án vắng mặt.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bắc Giang.

- VKSND tỉnh Bắc Giang.

- VKSND huyện Hiệp Hòa;

- Công an Hiệp Hòa.

- L- u hồ sơ vụ án.

- Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn.